**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

**Môn: TOÁN – Lớp 6**

**Thời gian**: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. *(5,0 điểm)***

***Chọn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:***

**Câu 1.[NB­]:** Các cặp phân số bằng nhau là:

A.  và  B.  và  C.  và  D.  và 

**Câu 2 .[NB­]:** Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số:

A. . B. . C. . D. .  
**Câu 3 .[TH]:**

**Câu 4 .[NB­]:** Phân số tối giản của phân số  là :

A.  B.  C.  D. 

**Câu 5 .[TH­]:** Với x thỏa mãn thì:

A. . B. . C. . D. .

**Câu 6.[TH­]:** Hỗn số  được viết dưới dạng phân số là:

A. . B. . C. . D. .

**Câu 7.[NB­]:** Số 3,15428 được làm tròn đến hàng phần mười là:

A. 3,154. B. 3,1. C. 3,15. D. 3,2.

**Câu 8.[NB­]:** Số lớn nhất trong các số: -0,001; -9,123; -0,12; -9,9 là:

A. -9,9. B. -9,123. C. -0,001. D. -0,12.

**Câu 9.[NB­]:** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

**A.** Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

**B.** Quốc tịch của các học sinh trong một trường quốc tế.

**C.** Chiều cao trung bình của một số loại thân cây gỗ (đơn vị tính là mét).

**D.** Số học sinh đeo kính trong một lớp học (đơn vị tính là học sinh).

**Câu 10.[NB­]:** Các môn thể thao ưa thích của học sinh lớp  ghi lại trong bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Môn thể thao** | **Số bạn ưa thích** |
| Cầu lông |  |
| Bóng bàn |  |
| Bóng đá |  |
| Đá cầu |  |
| Bóng rổ |  |

Các dữ liệu thu thập được trong bảng là

**A.** Cầu lông, bóng bàn.

**B.** Cầu lông, bóng bàn, bóng đá.

**C.** Cầu lông, bóng bàn, bóng rổ, bóng đá, đá cầu.

**D.** Cầu lông, bóng bàn, bóng rổ, bóng đá.

**Câu 11.[TH­]:** Các môn thể thao ưa thích của học sinh lớp  ghi lại trong bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Môn thể thao** | **Số bạn ưa thích** |
| Cầu lông |  |
| Bóng bàn |  |
| Bóng đá |  |
| Đá cầu |  |
| Bóng rổ |  |

Môn thể thao ưa thích nhất của học sinh lớp  là

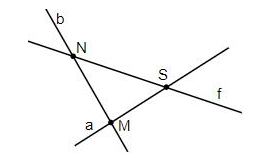
**A.** Cầu lông.

**B.** Bóng bàn.

**C.** Đá cầu.

**D.** Bóng đá.

**Câu 12.[NB­]:** Trên hình vẽ đường thẳng a chứa những điểm nào?

**

A. M và N. B. S và M C. N và S D. M, N và S.

**Câu 13**.**[NB]**  Ta có thể vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B?

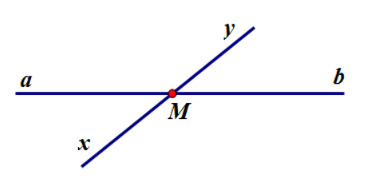
A. 1. B. 2. C. 3 D. 4

**Câu 14.[NB]** Quan sát hình vẽ sau và cho biết điểm nằm giữa hai điểm Q và N là?



A. M. B. N. C. P. D.Q.

**Câu 15.[NB]** Trong hình vẽ sau có tất cả bao nhiêu tia?



A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 16.[TH]:** Sắp xếp các số thập phân sau **-5,9; 0,8; -7,3; 1,2; 3,41** theo thứ tự tăng dần, ta được:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** -5,9; -7,3; 0,8; 1,2; 3,41. | **B.** 3,41; 1,2; 0,8; -5,9; -7,3. |
| **C.** -7,3; -5,9; 1,2; 3,41; 0,8. | **D.** -7,3; -5,9; 0,8; 1,2; 3,41. |

**Câu 17.[TH]:** Lớp 6A có 40 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm tổng số học sinh cả lớp. Số học sinh nữ của lớp 6A là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 15. | B. 16 . | C. 18 . | D. 20. |

**Câu 18.[TH]:** Kết quả phép tính cộng 2019,38 + 2,62 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 2022,9. | B. 2021,9 . | C. 2022 . | D. 2023. |

**Câu 19.[TH]:** Cho hình vẽ sau. Khẳng định nào sau đây là **Đúng:**

b

N

1. 

M

P

a

1. Tia Mb và tia MP là hai tia đối nhau.
2. Điểm N thuộc tia Mb.
3. Tia Ma và tia MP là hai tia trùng nhau.
4. Tia Pa đi qua điểm M.

**Câu 20.[NB]:** Phép so sánh nào sau đây là đúng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. . | B. . | C. . | D. . |

**Phần 2: Tự luận*(5,0 điểm)***

**Câu 21.*(1,0 điểm)***

a) So sánh hai phân số:  và .

b) Thực hiện phép tính: 

**Câu 22.*(1,0 điểm)*** Tìm *x*, biết:

a) 2,3*x* - 1,98=3,425.

b) 

**Câu 23.*(1,0 điểm)*** Một trường THCS có 160 học sinh khối lớp 6, trong đó tỉ lệ học sinh nữ chiếm 45% số học sinh toàn khối. Hỏi khối lớp 6 của trường THCS đó có bao nhiêu học sinh nam ?

**Câu 24. *(0,5 điểm)*** Viết hai tia đối nhau trong hình vẽ sau.

P

M

N

**Câu 25. *(0,5 điểm)*** Liệt kê tên các đoạn thẳng trong hình vẽ sau.

A

C

B

**Câu 26**: ***(1,0 điểm)*** Năm 2022 nhà bạn Tân có xây một căn nhà mới. Sau khi xây xong nhận thấy trước mặt nhà là một cái sân hình chữ nhât. Để cho phù hợp với ngôi nhà mới đã xây thì bạn Tân đã tăng chiều dài thêm 20%, giảm chiều rộng 30% thì diện tích sân hình chữ nhật giảm đi 20m2. Tính diện tích sân hình chữ nhật ban đầu của nhà bạn Tân.

**HDC BÀI KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN: TOÁN LỚP 6**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)**

*(Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **D** | **C** | **B** | **C** | **D** | **C** | **B** | **C** | **D** | **B** | **A** | **C** | **D** | **D** | **B** | **C** | **C** | **A** |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn, tóm tắt lời giải** | **Điểm** |
| **Câu 21** |  | **1,0 điểm** |
|  | a) So sánh hai phân số:  và .  Ta có  và  Vì 21<22 nên  hay  b) | 0,25  0,25  0,5 |
| **Câu 22** |  | **1,0 điểm** |
|  | a) 2,3*x* - 1,98=3,425.  2,3*x* =3,425 + 1,98  2,3*x* =5,405  *x =2,35*  *Vậy.............*  b) Ta có  hay  vậy *x* = -20 | 0,25  0,25  0,5 |
| **Câu 23** |  | **1,0 điểm** |
|  | Số học sinh nữ của khối 6 là:  (học sinh)  Số học sinh nam của khối 6 là: 160 - 72 = 88 (học sinh)  Vậy................. | 0,5  0,5 |
| **Câu 24** |  | **0,5 điểm** |
|  | Hai tia đối nhau trong hình vẽ là: NM và NP. | 0,5 |
| **Câu 25** |  | **0,5 điểm** |
|  | Các đoạn thẳng trong hình vẽ là: AB, AC, BC. | 0,5 |
| **Câu 26** |  | **1,0 điểm** |
|  | Chiều dài mới so với chiều dài cũ bằng:  1 + 0,2 = 1,2  Chiều rộng mới so với chiều rộng cũ bằng:  1 – 0,3 = 0,7  Diện tích mới so với diện tích cũ bằng:  1,2.0,7 = 0,84  Giảm đi:  1 – 0,84 = 0,16 diện tích cũ hay 20m2  Diện tích sân hình chữ nhật ban đầu nhà bạn Tân là:  20:0,16 = 125 (m2) | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Tổng** |  | **5,0 điểm** |

**\* Lưu ý khi chấm bài:**

*- Trên đây chỉ là sơ lược các bước giải, lời giải của học sinh cần lập luận chặt chẽ, hợp lôgic. Nếu học sinh trình bày cách làm đúng khác thì cho điểm các phần theo thang điểm tương ứng.*

*- Điểm toàn bài không được làm tròn.*